ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 507 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 30 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-BNN-TT ngày 07/02/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa toàn quốc năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 59/TTr-SNN ngày 22/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2023.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh; báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2023 theo quy định.

2. UBND các huyện, thành phố:

a) Lập và ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện theo Mẫu số 02.CĐ, Phụ lục X, ban hành kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn.

c) Tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15/12/2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban KT-NS, Ban Dân tộc (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 507 /QĐ-UBND ngày 30 /3/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: ha

TT	Huyện, Thành phố	Diện tích		
		Tổng số	Trên loại đất trồng lúa	
			2 vụ lúa	1 vụ lúa
1	2	(4)= 5+6	5	6
1	**Toàn tỉnh**	**3.410,57**	**647,22**	**2763,35**
	Trồng cây hàng năm	3.297,79	635,38	2662,41
	Trồng cây lâu năm	52,34	4,72	47,62
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	8,10	2,40	5,70
	Trong đó:			
2	**Huyện Bình Gia**	**149,50**	**24,50**	**125,0**
	Trồng cây hàng năm	138,0	20,0	118,0
	Trồng cây lâu năm	3,50	1,50	2,0
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	4,50	1,50	3,0
3	**Huyện Bắc Sơn**	**15,50**	**-**	**15,50**
	Trồng cây hàng năm	5,0	-	5,0
	Trồng cây lâu năm	5,0	-	5,0
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	0,50	-	0,50
4	**Huyện Cao Lộc**	**36,60**	**11,80**	**24,80**
	Trồng cây hàng năm	29,90	11,0	18,90
	Trồng cây lâu năm	2,80	0,20	2,60
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	1,10	0,40	0,70
5	**Huyện Chi Lăng**	**20,90**	**8,50**	**12,40**
	Trồng cây hàng năm	5,70	2,10	3,60
	Trồng cây lâu năm	7,40	3,0	4,40
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	0,40	0,40	-
6	**Huyện Đình lập**	**24,20**	**-**	**24,20**
	Trồng cây hàng năm	18,0	-	18,0
	Trồng cây lâu năm	3,10	-	3,10
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	-	-	-
7	**Huyện Hữu Lũng**	**48,54**	**3,64**	**44,90**

TT	Huyện, Thành phố	Diện tích		
		Tổng số	Trên loại đất trồng lúa	
			2 vụ lúa	1 vụ lúa
	Trồng cây hàng năm	16,84	3,64	13,20
	Trồng cây lâu năm	15,85	-	15,85
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	-	-	-
8	**Huyện Lộc Bình**	**0,88**	**0,14**	**0,74**
	Trồng cây hàng năm	-	-	-
	Trồng cây lâu năm	0,09	0,02	0,07
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	0,70	0,10	0,60
9	**TP. Lạng Sơn**	**42,20**	**4,0**	**38,20**
	Trồng cây hàng năm	20,0	4,0	16,0
	Trồng cây lâu năm	11,10	-	11,10
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	-	-	-
10	**Huyện Tràng Định**	**2.490,45**	**494,64**	**1.995,81**
	Trồng cây hàng năm	2485,75	494,64	1.991,11
	Trồng cây lâu năm	2,0	-	2,0
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	0,70	-	0,70
11	**Huyện Văn Lãng**	**31,8**	**-**	**31,8**
	Trồng cây hàng năm	28,60	-	28,60
	Trồng cây lâu năm	1,50	-	1,50
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	0,20	-	0,20
12	**Huyện Văn Quan**	**550,0**	**100,0**	**450,0**
	Trồng cây hàng năm	550,0	100,0	450,0
	Trồng cây lâu năm	-	-	-
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	-	-	-